

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 장애인복지법 시행규칙 [별지 제1호의4서식] <개정 2024. 2. 8.>

■ Thông tư hướng dẫn Luật Phúc lợi cho người khuyết tật [Mẫu đính kèm số 1-4 (1)] <Sửa đổi 2024. 2. 8.>

장애인 등록 및 서비스 신청서

ĐƠN ĐĂNG KÝ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ DỊCH VỤ

※ 색상이 어두운 난은 신청인이 작성하지 않고, []에는 해당되는 곳에 √ 표를 합니다.

※ Người nộp đơn không điền vào các ô màu tối, và đánh dấu √ vào [] tương ứng.

(4쪽 중 제1쪽)

(Trang 1 trên 4)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일자 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý	별도안내 Hướng dẫn riêng
----------------------	------------------------	-------------------------	-------------------------

장애인 (본인) Người khuyết tật (bản thân)	성명 Họ tên	여권상 영문성명 Họ tên tiếng Anh trên hộ chiếu
	주민등록번호(외국인등록번호 또는 국내거소신고번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký người nước ngoài hoặc số đăng ký nơi cư trú tại Hàn Quốc)	
	사회보장 An sinh xã hội []수급자 []차상위계층 []기타 []Người nhận trợ cấp []Hộ cận nghèo []Khác	휴대전화 Số di động
	(현)주소 Địa chỉ (hiện tại)	전화번호 Số điện thoại
통지방법 Phương thức thông báo	☐ 서면 ☐ 전자우편() ☐ 문자메시지서비스(SMS) ☐ 기타() ☐ Văn bản ☐ Thư điện tử () ☐ Dịch vụ tin nhắn (SMS) ☐ Khác ()	

법정대리인 또는 보호자 Người đại diện theo pháp luật hoặc người giám hộ	성명 Họ tên	장애인(본인)과의 관계 Quan hệ với người khuyết tật (bản thân)	주민등록번호(외국인등록번호 또는 국내거소신고번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký người nước ngoài hoặc số đăng ký nơi cư trú tại Hàn Quốc)
	주소 Địa chỉ		전화번호 Số điện thoại

복지욕구 Nhu cầu phúc lợi	[]직접적 소득(장애인연금 등) []간접적 소득(감면 등) []건강 및 의료 []고용 []주거 []일상생활 []Thu nhập trực tiếp (lương hưu người khuyết tật, v.v.) []Thu nhập gián tiếp (miễn trừ, v.v.) []Sức khỏe và y tế []Việc làm []Nơi ở []Sinh hoạt hàng ngày []보육 및 교육 []문화 및 여가 []안전 및 권익 []Chăm sóc và dạy dỗ []Văn hoá và giải trí []An toàn và quyền lợi		
-----------------------------	--	--	--

국가유공자, 보훈보상·지원대상자로서 상이등급(1~7급)을 받은 자: []해당 []비해당

Người có công với nước, người nhận bồi thường cựu chiến binh, người nhận hỗ trợ cựu chiến binh ở các cấp độ (cấp 1 ~ 7): []Áp dụng []Không áp dụng

[서비스 신청]

[Đăng ký dịch vụ]

서비스 종류 Loại dịch vụ	신청 구분 Phân loại đăng ký	비고 Ghi chú
[]장애인등록 신청 []Đăng ký người khuyết tật	[]신규 []조정 []재판정 []Mới []Điều chỉnh []Đánh giá lại	• 재발급 사유 • Lý do cấp lại
[]장애인등록증 발급 신청 []Đăng ký cấp thẻ đăng ký người khuyết tật	[]신규 []재발급 []Cấp mới []Cấp lại	[]기간만료 []훼손 []분실 []Hết hạn []Hư hỏng []Mất

☐ 장애인통합복지카드 발급 신청 ☐ Thẻ phúc lợi tích hợp cho người khuyết tật Đăng ký cấp	고속도로 통행료 할인 기능 Chức năng giảm phí đường cao tốc ☐ 포함 ☐ 미포함 ☐ Bao gồm ☐ Không bao gồm	☐ 신규 ☐ 재발급 ☐ 정보변경 ☐ 반납 ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại ☐ Thay đổi thông tin ☐ Trả lại	☐ 기재사항 변경 ☐ Thay đổi nội dung khai báo ☐ 신용카드등과 통합된 등록증교부신청 ☐ Đăng ký cấp thẻ tích hợp với thẻ tín dụng, v.v. ☐ 카드전환(-) ☐ Đổi thẻ (-) ☐ 기타 ☐ Khác
	☐ 신용기능 ☐ 직불기능 ☐ Chức năng thẻ tín dụng ☐ Chức năng thẻ ghi nợ		• 반납사유 • Lí do trả lại
☐ (구) 고속도로 통행료 할인 카드 ☐ Thẻ giảm phí đường cao tốc (cũ)		☐ 정보변경 ☐ 반납 ☐ Thay đổi thông tin ☐ Trả lại	☐ 사망 ☐ 양도 • 증여 ☐ 폐차 ☐ 등록말소 ☐ 기타
☐ 시각장애인용 점자 스티커 ☐ Nhân dân chữ nổi dành cho người khiếm thị		☐ 신규 ☐ 재발급 ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại	☐ Qua đời ☐ Chuyển nhượng, tặng ☐ Xe phế liệu ☐ Hủy đăng ký ☐ Khác
☐ 장애인사용자동차등표지 발급 신청 ☐ Đăng ký nhân dân người khuyết tật trên xe ô tô		☐ 신규 ☐ 재발급 ☐ Cấp mới ☐ Cấp lại	
☐ 장애인보조기구 교부(대여 • 수리) 신청 ☐ Đăng ký cấp (cho thuê, sửa chữa) thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật		☐ 교부 ☐ 대여 ☐ 수리 ☐ Cấp ☐ Cho thuê ☐ Sửa chữa	
☐ 장애인활동지원 ☐ (Hỗ trợ hoạt động cho người khuyết tật)			※ 사회보장급여(사회서비스이용권) 신청(변경)서를 추가로 작성해야 합니다. ※ Ngoài ra, phải điền vào đơn đăng ký (thay đổi) phúc lợi an sinh xã hội (phiếu sử dụng dịch vụ xã hội).
☐ 거주시설 입소 ☐ (Vào ở cơ sở cư trú)		☐ 중증장애인 거주시설 ☐ 장애유형별 거주시설 ☐ Cơ sở cư trú dành cho người khuyết tật nặng ☐ Cơ sở cư trú theo loại khuyết tật	
☐ 저소득 장애인 진단서 발급비 및 검사비 ☐ Phí cấp giấy chẩn đoán y tế và phí khám sức khỏe cho người khuyết tật có thu nhập thấp		☐ 진단서 발급비 ☐ 검사비 ☐ Phí cấp giấy chẩn đoán ☐ Phí kiểm tra	
☐ 발달장애인 개인별지원계획 수립 ☐ Xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân cho người khuyết tật phát triển			※ 개인별지원계획 수립 신청서를 추가로 작성해야 합니다. ※ Ngoài ra, phải điền đơn đăng ký để xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân.

[감면서비스 (대행)신청] [Đăng ký (làm thay) dịch vụ miễn giảm]			
☐ 휴대전화요금	☐ 전기요금	☐ 도시가스요금	☐ 지역난방비
☐ Phí điện thoại di động	☐ Tiền điện	☐ Tiền ga thành phố	☐ Tiền sưởi địa phương
☐ 초고속인터넷서비스이용료	☐ TV 수신료	☐ 자동차관련 지방세(자동차세, 면허세, 등록세, 취득세)	
☐ Phí dịch vụ Internet tốc độ cao	☐ Phí thu sóng TV	☐ Thuế địa phương liên quan đến xe ô tô (thuế xe ô tô, thuế giấy phép, thuế đăng ký, thuế sở hữu)	

[타기관 서비스 의뢰] [Yêu cầu dịch vụ từ các tổ chức khác]	
☐ 고용 서비스 ☐ Dịch vụ việc làm	☐ 실업급여 ☐ 취업성공패키지 ☐ 직업훈련 ☐ 직업진로상담 ☐ 취업지원 및 상담 ☐ Trợ cấp thất nghiệp ☐ Gói xin việc thành công ☐ Đào tạo nghề ☐ Tư vấn nghề nghiệp ☐ Hỗ trợ và tư vấn việc làm ☐ 직업생활 지원(근로지원인, 보조공학기기 지원 등) ☐ Hỗ trợ đời sống công sở (hỗ trợ làm việc, hỗ trợ thiết bị công nghệ hỗ trợ, v.v.)
☐ 의료 서비스 ☐ Dịch vụ y tế	지역사회중심재활 사업 Dự án phục hồi tập trung vào cộng đồng địa phương

[신용카드·직불카드와 통합된 장애인등록증을 발급받으려는 경우]
[Trường hợp muốn nhận thẻ đăng ký khuyết tật tích hợp với thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ]

카드구분 Phân loại thẻ	☐ 신용카드 ☐ 직불카드 ☐ Thẻ tín dụng ☐ Thẻ ghi nợ		
신청인 Người đăng ký	☐ 본인 ☐ 법정대리인 또는 보호자(본인과의 관계:) ☐ Bản thân ☐ Người đại diện theo pháp luật hoặc người giám hộ (quan hệ với bản thân :)		
직 장 ※ 직장이 있는 경우만 기재 Nơi làm việc ※ Điền nơi làm việc nếu có	직 장 명 Tên nơi làm việc	부서명 Bộ phận	
	직장주소 Địa chỉ nơi làm việc		직장 전화번호 Số điện thoại nơi làm việc
대금결제 Thanh toán tiền	대금청구지 ☐ 지택 ☐ 직장 ☐ 전자우편() Địa chỉ yêu cầu thanh toán ☐ Nhà riêng ☐ Nơi làm việc ☐ Thư điện tử ()		
	대금결제일 매월 일(1일~27일 중에서 선택) Ngày thanh toán Ngày....(chọn từ ngày 1~27) mỗi tháng		
자동차제 Đăng ký tự động chuyển khoản	계좌번호 Số tài khoản	금융기관 Tổ chức tài chính	예금주 Chủ tài khoản
	직불카드 신청시 신한은행 또는 우체국 기재 Điền ngân hàng Shinhan hoặc Bưu điện khi đăng ký thẻ ghi nợ		

[장애인등록증 전국(재)발급 신청]
[Đăng ký cấp (cấp lại) thẻ đăng ký người khuyết tật trên toàn quốc]

기존 장애인등록증 발급기관 Cơ quan cấp thẻ đăng ký người khuyết tật ban đầu		첨부 (등기 우편료 Đính kèm (Bưu phí gửi bảo đảm)	
장애인등록증 수령방법 Phương pháp nhận thẻ đăng ký người khuyết tật	☐ 신청기관 방문 ☐ 주민등록기관 방문 ☐ 개인 등기우편 ☐ Đến cơ quan đăng ký ☐ Đến cơ quan đăng ký thường trú ☐ Thư đảm bảo cá nhân		
등기우편 수령 주소 (우) Địa chỉ nhận thư đảm bảo (mã bưu điện)			

[장애인 사용 자동차 등 표지 발급(재발급) 및 고속도로 통행료 할인 신청]
[Cấp (cấp lại) nhãn dán người khuyết tật trên xe ô tô và đăng ký giảm phí đường cao tốc]

운전자 Người lái	성명 Họ tên	주민등록번호(외국인등록번호 또는 국내거소신고번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký người nước ngoài hoặc số đăng ký nơi cư trú tại Hàn Quốc)	
	주소 Địa chỉ	전화번호 Số điện thoại	
	운전면허번호 Số giấy phép lái xe	장애인과의 관계 Quan hệ với người khuyết tật	
단체 · 시설 Tổ chức · Cơ sở	단체 · 시설명 Tên tổ chức · cơ sở	사업자등록번호 Số đăng ký kinh doanh	
	소재지 (전화번호:) Địa chỉ (Số điện thoại:)		
	종류 ☐ 장애인복지단체 · 시설 ☐ 노인의료복지시설 Loại ☐ Tổ chức và cơ sở phúc lợi cho người khuyết tật ☐ Cơ sở phúc lợi y tế cho người cao tuổi		
	대표자 성명 Họ tên người đại diện		주민등록번호(외국인등록번호 또는 국내거소신고번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký người nước ngoài hoặc số đăng ký nơi cư trú tại Hàn Quốc)

자동차 Xe ô tô	소유자 성명 Họ tên người sở hữu	주민등록번호(외국인등록번호 또는 국내거소신고번호) (사업자등록번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký người nước ngoài hoặc số đăng ký nơi cư trú tại Hàn Quốc) (Số đăng ký kinh doanh)
	자동차등록번호 Số đăng ký xe ô tô	차종/차명 Loại xe/Tên xe
	배기량/승차정원/최대적재량 Dung tích xả/số người cho phép chở/khả năng chịu tải tối đa	용도 Mục đích sử dụng

[장애인보조기구 교부(대여·수리) 신청]

[Đăng ký cấp (cho thuê, sửa chữa) thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật]

주거형태 Loại nhà ở	[] 재가(자가, 전세, 월세) [] 시설입소 [] 그 밖의 형태 [] Nhà ở (riêng, nhà thuê jeonse, nhà thuê trả tiền hàng tháng) [] Vào ở nơi cư trú [] Loại khác					
희망보조기구 Thiết bị hỗ trợ mong muốn	[] 장애인보조기구명() [] Tên thiết bị hỗ trợ người khuyết tật ()					
수리가 필요한 부위 Bộ phận cần sửa chữa	교부(대여·수리)상 특별히 희망하는 사항 Nội dung yêu cầu cụ thể khi cung cấp (cho thuê/sửa chữa)					
가장 최근에 교부받은 실적 Kết quả được cung cấp gần đây nhất	교부년도 Năm cấp	종류 Loại hình	교부기관 Cơ quan cấp	교부년도 Năm cấp	종류 Loại hình	교부기관 Cơ quan cấp

[저소득 장애인 진단서 발급비 및 검사비]

[Phí cấp giấy chẩn đoán và phí kiểm tra cho người khuyết tật có thu nhập thấp]

신청금액 (지원금액) Số tiền đăng ký (tiền hỗ trợ)	계좌번호/금융기관/ 예금주(관계) Số tài khoản/tổ chức tài chính/chủ tài khoản (mối quan hệ)
--	---

「장애인복지법」 제32조제1항 및 같은 법 시행규칙 제3조제1항·제6조제1항에 따라 위와 같이 장애인 등록 및 서비스를 신청합니다.

Tôi xin đăng ký người khuyết tật và đăng ký nhận dịch vụ như trên theo khoản 1 Điều 32 "Luật Phúc lợi cho người khuyết tật" và khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6 Thông tư hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày
신청인 (서명 또는 인)
Người xin nhập tịch (Kí tên hoặc đóng dấu)

시장·군수·구청장 귀하

Kính gửi Thị trưởng, chủ tịch huyện (gun), chủ tịch quận (gu)

(4쪽 중 제3쪽)
(Trang 3 trên 4)

신청인 제출서류 Hồ sơ người đăng ký nộp	
① 장애인등록 신청 ① Đăng ký người khuyết tật	1. 사진(3.5cm×4.5cm) 1장 1. Ảnh (3.5cm×4.5cm) ※ 장애인등록증 발급을 위한 사진자료를 활용하는 것에 동의합니다(17세 이상인 경우). ※ Tôi đồng ý sử dụng dữ liệu hình ảnh để cấp thẻ đăng ký người khuyết tật (nếu từ 17 tuổi trở lên). ※ 동의하지 않을 경우 등록 및 장애인등록증 발급이 불가합니다. ※ Nếu không đồng ý, sẽ không thể thực hiện việc đăng ký và cấp thẻ đăng ký người khuyết tật. <div>□동의함 □동의하지 않음 □Đồng ý □Không đồng ý</div>
	2. 장애 정도 심사 시 「장애인복지법」 제32조와 같은 법 시행규칙 제6조·제7조에 따라 장애인의 장애상태를 판정하기 위해 이전 심사 시 공단에 제출한 자료, 「국민연금법」 제52조에 따른 부양가족연금 심사자료, 같은 법 제67조에 따른 장애인연금의 수급권자 심사자료, 같은 법 제70조에 따른 장애인연금의 변경 등 심사자료를 열람(활용)하는 것에 동의합니다. 2. Tôi đồng ý về việc xem (sử dụng) tài liệu được gửi đến công ty để thẩm định trước và xác định tình trạng khuyết tật của người khuyết tật theo Điều 32 của “Luật Phúc lợi cho người khuyết tật” và Điều 6, Điều 7 Thông tư hướng dẫn Luật này, tài liệu thẩm định số tiền lương hưu của người phụ thuộc theo Điều 52 “Luật Hưu trí quốc dân”, tài liệu thẩm định người hưởng trợ cấp khuyết tật theo Điều 67 Luật này, tài liệu thẩm định như thay đổi số tiền trợ cấp khuyết tật theo Điều 70 của Luật này khi thẩm định mức độ khuyết tật. ※ 동의하지 않을 경우 신청인이 직접 해당 자료를 제출해야 하며, 기한 내에 제출되지 않는 경우 장애인등록 신청이 반려될 수 있음 ※ Nếu không đồng ý, người đăng ký phải nộp trực tiếp tài liệu liên quan. Nếu không nộp đúng thời hạn, có thể bị từ chối đăng ký người khuyết tật. <div>□동의함 □동의하지 않음 □Đồng ý □Không đồng ý</div>

	<div>3. 국가유공자, 보호보상·지원대상자로서 상이등급(1~7급)을 받은 경우 국민연금공단 또는 관할 지방자치단체에서 국가보훈처를 통하여 장애인등록 등에 필요한 자료를 수집 및 활용하는 것에 동의합니다.</div> <div>3. Trường hợp là người có công với nước, người nhận bồi thường cựu chiến binh, người nhận hỗ trợ cựu chiến binh ở các cấp độ (cấp 1 ~ 7), tôi đồng ý để Cơ quan lưu trữ quốc gia Hàn Quốc hoặc chính quyền địa phương có thẩm quyền thu thập và sử dụng dữ liệu cần thiết để đăng ký người khuyết tật thông qua Bộ Người có công và Cựu chiến binh.</div> <div>※ 동의하지 않을 경우 신청인이 직접 해당 자료를 제출해야 하며, 기한 내에 제출되지 않는 경우 장애인등록 신청이 반려될 수 있음</div> <div>※ Nếu không đồng ý, người đăng ký phải nộp trực tiếp tài liệu liên quan. Nếu không nộp đúng thời hạn, có thể bị từ chối đăng ký người khuyết tật.</div> <div>☐동의함 ☐동의하지 않음</div> <div>☐Đồng ý ☐Không đồng ý</div>								
	<div>4. 고속도로 할인기능이 있는 복지카드 중 신용(직불)기능이 없는 카드 발급 시 발급수수료 4,000원</div> <div>4. Trong số các loại thẻ phúc lợi giảm giá đường cao tốc, phí phát hành thẻ không có chức năng tín dụng (ghi nợ) là 4.000 won</div>								
	<table><tr><td>담당 공무원 확인사항</td><td>국내거소신고, 외국인등록 사실증명 또는 혼인신고 증명서류(재외동포나 외국인의 경우에만 해당합니다)</td></tr><tr><td>내용ưng cán bộ phụ trách xác nhận</td><td>Tài liệu chứng minh đăng ký nơi cư trú trong nước, giấy xác nhận sự thật đăng ký người nước ngoài hoặc đăng ký kết hôn (chỉ áp dụng cho thị thực dành cho kiều bào Hàn Quốc hoặc người nước ngoài)</td></tr></table>	담당 공무원 확인사항	국내거소신고, 외국인등록 사실증명 또는 혼인신고 증명서류(재외동포나 외국인의 경우에만 해당합니다)	내용ưng cán bộ phụ trách xác nhận	Tài liệu chứng minh đăng ký nơi cư trú trong nước, giấy xác nhận sự thật đăng ký người nước ngoài hoặc đăng ký kết hôn (chỉ áp dụng cho thị thực dành cho kiều bào Hàn Quốc hoặc người nước ngoài)				
담당 공무원 확인사항	국내거소신고, 외국인등록 사실증명 또는 혼인신고 증명서류(재외동포나 외국인의 경우에만 해당합니다)								
내용ưng cán bộ phụ trách xác nhận	Tài liệu chứng minh đăng ký nơi cư trú trong nước, giấy xác nhận sự thật đăng ký người nước ngoài hoặc đăng ký kết hôn (chỉ áp dụng cho thị thực dành cho kiều bào Hàn Quốc hoặc người nước ngoài)								
<div>② 장애인등록증 재발급 신청</div> <div>② Đăng ký cấp thẻ đăng ký người khuyết tật</div>	<div>1. 장애인등록증(장애인등록증을 잃어버린 경우는 제외합니다)</div> <div>1. Thẻ đăng ký người khuyết tật (trừ trường hợp bị mất thẻ đăng ký người khuyết tật)</div> <div>2. 고속도로 할인기능이 있는 복지카드 중 신용(직불)기능이 없는 카드 발급 시 발급수수료 4,000원</div> <div>2. Trong số các loại thẻ phúc lợi giảm giá đường cao tốc, phí phát hành thẻ không có chức năng tín dụng (ghi nợ) là 4.000 won</div>								
<div>③ 장애인사용자동차등 표지 발급 신청</div> <div>③ Đăng ký cấp biển xe ô tô cho người khuyết tật</div>	<div>1. 시설대여계약서 또는 임차계약서 사본 1부(자동차를 시설대여 받거나 임차한 경우만 해당합니다)</div> <div>1. 1 bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất hoặc hợp đồng thuê xe (chỉ áp dụng nếu thuê hoặc cho thuê phương tiện)</div> <div>2. 사업자신고 또는 사업자등록증(장애인복지시설 등의 경우에만 해당합니다)</div> <div>2. Đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ áp dụng đối với cơ sở phúc lợi dành cho người khuyết tật, v.v.)</div>								
	<table><tr><td>담당 공무원 확인사항</td><td>1. 자동차등록증 사본</td></tr><tr><td>내용ưng cán bộ phụ trách xác nhận</td><td>1. Bản sao Giấy đăng ký xe ô tô</td></tr><tr><td></td><td>2. 국내거소신고, 외국인등록 사실증명 또는 혼인신고 증명서류(재외동포나 외국인의 경우만 해당합니다)</td></tr><tr><td></td><td>2. Tài liệu chứng minh đăng ký nơi cư trú trong nước, giấy xác nhận sự thật đăng ký người nước ngoài hoặc đăng ký kết hôn (chỉ áp dụng cho thị thực dành cho kiều bào Hàn Quốc hoặc người nước ngoài)</td></tr></table>	담당 공무원 확인사항	1. 자동차등록증 사본	내용ưng cán bộ phụ trách xác nhận	1. Bản sao Giấy đăng ký xe ô tô		2. 국내거소신고, 외국인등록 사실증명 또는 혼인신고 증명서류(재외동포나 외국인의 경우만 해당합니다)		2. Tài liệu chứng minh đăng ký nơi cư trú trong nước, giấy xác nhận sự thật đăng ký người nước ngoài hoặc đăng ký kết hôn (chỉ áp dụng cho thị thực dành cho kiều bào Hàn Quốc hoặc người nước ngoài)
담당 공무원 확인사항	1. 자동차등록증 사본								
내용ưng cán bộ phụ trách xác nhận	1. Bản sao Giấy đăng ký xe ô tô								
	2. 국내거소신고, 외국인등록 사실증명 또는 혼인신고 증명서류(재외동포나 외국인의 경우만 해당합니다)								
	2. Tài liệu chứng minh đăng ký nơi cư trú trong nước, giấy xác nhận sự thật đăng ký người nước ngoài hoặc đăng ký kết hôn (chỉ áp dụng cho thị thực dành cho kiều bào Hàn Quốc hoặc người nước ngoài)								
<div>④ 장애인사용자동차등 표지 재발급 신청</div> <div>④ Đăng ký cấp lại nhãn dán người khuyết tật trên xe ô tô</div>	<div>1. 장애인사용자동차등표지(잃어버린 경우에는 제외하며, 훼손되어 못 쓰게 된 경우 또는 기재사항을 변경하려는 경우에만 해당합니다)</div> <div>1. Nhãn dán người khuyết tật trên xe ô tô (không bao gồm trường hợp bị mất, chỉ áp dụng nếu bị hư hỏng không sử dụng được hoặc cần thay đổi thông tin)</div> <div>2. 변경 사실을 증명할 수 있는 서류 1부(기재사항을 변경하려는 경우에만 해당합니다)</div> <div>2. 1 bản sao giấy tờ chứng minh việc thay đổi (chỉ áp dụng nếu muốn thay đổi thông tin)</div>								
<div>⑤ 저소득 장애인 진단서 발급 비 및 검사비 신청</div> <div>⑤ Đăng ký phí cấp giấy chẩn đoán và phí kiểm tra cho người khuyết tật có thu nhập thấp</div>	<div>1. 수급자의 복지계좌 통장사본 1부</div> <div>1. 1 bản sao sổ tài khoản phúc lợi của người nhận trợ cấp</div> <div>2. 진단서 발급비·검사비 영수증</div> <div>2. Hoá đơn phí cấp giấy chẩn đoán và phí kiểm tra</div>								

요금 감면 및 서비스 제공 관련 개인정보 제공·처리 동의서

Đơn đồng ý cung cấp và xử lý thông tin cá nhân liên quan đến việc giảm phí và cung cấp dịch vụ

본인은 장애인 등록에 따른 요금 감면 및 서비스 제공과 관련하여 수급자격 확인에 필요한 개인정보를 해당 서비스 제공기관에 제공하는 것에 동의합니다.

Tôi đồng ý cung cấp cho nhà cung cấp dịch vụ thông tin cá nhân liên quan việc cung cấp dịch vụ theo đăng ký người khuyết tật cần thiết để xác nhận đủ điều kiện nhận trợ cấp.

※ 동의하지 않는 경우에는 본인(신청인)이 직접 관련 서류를 제출해야 합니다.

※ Nếu không đồng ý, bản thân (người đăng ký) phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan.

※ 개인정보의 보유 및 이용 기간: 관련 법령에 따라 해당 서비스 제공을 위해 필요한 기간

※ Thời gian lưu trữ và sử dụng thông tin cá nhân: Khoảng thời gian cần thiết để cung cấp dịch vụ liên quan theo luật pháp và quy định có liên quan

☐동의함 ☐동의하지 않음

☐Đồng ý ☐Không đồng ý

본인은 장애인대상 요금 감면 및 서비스 제공과 관련하여 해당 서비스 제공기관이 수급자격 확인을 위해 장애유형·장애 정도에 관한 정보 및 고유식별정보를 처리하는 것에 동의합니다.

Liên quan việc giảm phí và cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật, tôi đồng ý để nhà cung cấp dịch vụ xử lý thông tin về loại và mức độ khuyết tật cũng như thông tin nhận dạng cá nhân để xác nhận đủ điều kiện nhận trợ cấp.

※ 동의하지 않는 경우에는 본인(신청인)이 직접 관련 서류를 제출해야 합니다.

※ Nếu không đồng ý, bản thân (người đăng ký) phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan.

※ 개인정보의 보유 및 이용 기간: 관련 법령에 따라 해당 서비스 제공을 위해 필요한 기간

※ Thời gian lưu trữ và sử dụng thông tin cá nhân: Khoảng thời gian cần thiết để cung cấp dịch vụ liên quan theo luật pháp và quy định có liên quan

☐동의함 ☐동의하지 않음

☐Đồng ý ☐Không đồng ý

행정정보 공동이용 동의서

Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 이 건 업무처리와 관련하여 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 위의 사항을 확인하는 것에 동의합니다.

Tôi đồng ý việc cán bộ phụ trách kiểm tra nội dung trên thông qua sử dụng chung thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử” để xử lý các công việc liên quan đến đơn này.

※ 동의하지 않는 경우에는 본인(신청인)이 직접 관련 서류를 제출해야 합니다.

※ Nếu không đồng ý, bản thân (người đăng ký) phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan.

☐동의함 ☐동의하지 않음

☐Đồng ý ☐Không đồng ý

Đăng ký trước Hệ thống lịch sử đăng ký nhận dịch vụ

본인은 「장애인복지법 시행규칙」 제39조제2항 및 「장애인연금법」 제10조의2에 따라 장애인 복지 서비스 수급 희망자로서 서비스 수급권자의 범위에 포함될 가능성을 확인받기 위한 서비스 이력관리를 사전 신청합니다.

Theo khoản 2 Điều 39 “Thông tư hướng dẫn Luật phúc lợi cho người khuyết tật” và Điều 10-2 “Luật Trợ cấp cho người khuyết tật”, tôi đăng ký trước dịch vụ quản lý lịch sử dịch vụ để xác nhận khả năng được đưa vào trong phạm vi người nhận dịch vụ là người mong muốn nhận được các dịch vụ phúc lợi dành cho người khuyết tật.

※ 동의하지 않는 경우에는 현재 수급자격이 없는 서비스에 대해 추후 수급자격이 인정되더라도 다시 해당 서비스를 신청할 때까지 수급권자에 포함되지 않습니다.

※ Nếu không đồng ý, sẽ không được xem là người nhận trợ cấp ngay cả khi được công nhận đủ điều kiện nhận trợ cấp sau này đối với các dịch vụ hiện không đủ điều kiện nhận trợ cấp cho đến khi đăng ký lại dịch vụ.

☐동의함

☐동의하지 않음

☐Đồng ý

☐Không đồng ý

진료기록 열람 및 사본 교부 요청 동의서

Đơn đồng ý yêu cầu truy cập và cấp bản sao hồ sơ y tế

본인은 「장애인복지법」 제32조의9제2항에 따라 업무처리와 관련하여 담당 국민연금공단 직원이 장애 정도 확인 등을 위하여 심사자로 보완 등이 필요한 경우 「의료법」에 따른 의료기관에 본인에 대한 진료기록 자료나 검사결과 자료 등 진료에 관한 기록을 열람하거나 사본 교부를 요청하는 것에 동의합니다.

Liên quan việc xử lý công việc theo khoản 2 Điều 32-9 “Luật Phúc lợi cho người khuyết tật”, tôi đồng ý việc cán bộ phụ trách Cơ quan hưu trí quốc gia Hàn Quốc truy cập hoặc cấp bản sao kết quả khám của tôi như hồ sơ khám bệnh hoặc kết quả xét nghiệm tại các tổ chức y tế theo “Luật Y tế” trong trường hợp cần bổ sung tài liệu thăm định để xác nhận mức độ khuyết tật, v.v.

※ 동의하지 않는 경우에는 본인(신청인)이 직접 관련 서류를 제출해야 합니다.

※ Nếu không đồng ý, bản thân (người đăng ký) phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan.

☐동의함

☐동의하지 않음

☐Đồng ý

☐Không đồng ý

안내 및 동의사항

Hướng dẫn và nội dung lưu ý

1. 처리기간은 신청한 서비스에 따라 다릅니다.

1. Thời gian xử lý khác nhau tùy thuộc vào dịch vụ được yêu cầu.

2. 차량을 교체한 경우에는 재발급 사유 중 기재사항 변경란에 “√” 표시하고 자동차란에 새로 취득한 차량의 정보를 적습니다.

2. Nếu đổi xe, đánh dấu “√” vào mục Thay đổi nội dung khai báo trong Li do cấp lại và điền thông tin về xe mới mua vào mục Xe ô tô.

3. 장애인등록증 수령방법 관련

3. Phương pháp nhận thẻ đăng ký người khuyết tật

가. 신청기관 방문 또는 주민등록기관 방문을 선택한 경우에는 신청 후 2개월 이내에 해당 기관에서 장애인등록증을 받아 가시기 바랍니다.

a. Nếu chọn đến cơ quan đăng ký hoặc cơ quan đăng ký cư trú, vui lòng nhận thẻ đăng ký người khuyết tật từ cơ quan liên quan trong vòng 2 tháng sau khi nộp đơn.

나. 개인 등기우편을 선택한 경우에는 신청 시 등기우편료를 납부해야 하며, 반송 처리되는 경우에는 이에 대한 우편료도 추가로 납부해야 합니다. (지자체별 상이)

b. Nếu chọn thư bảo đảm cá nhân, phải trả phí gửi thư bảo đảm khi đăng ký và nếu đơn đăng ký bị trả lại, phải trả thêm phí bưu chính. (Mức phí khác nhau tùy theo chính quyền địa phương)

다. 개인 등기우편을 선택한 경우에는 등기우편 수령 주소란에 적은 주소로 장애인등록증이 발송되며, 해당 주소로 발송된 장애인등록증을 신청인이 아닌 다른 사람이 대리 수령해 발생한 사고에 대해서는 발급 기관이 책임을 지지 않음을 알려드립니다.

c. Nếu chọn thư bảo đảm cá nhân, thẻ đăng ký người khuyết tật sẽ được gửi đến địa chỉ trong ô địa chỉ nhận thư đã đăng ký và tổ chức cấp sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự cố nào xảy ra khi người khác không phải người đăng ký nhận thay thẻ đăng ký người khuyết tật được gửi đến địa chỉ đó.

4. 장애인등록증 재발급 신청 및 처리에 관하여 개인 등기우편을 선택한 경우에는 등기우편료를 납부하고 기존 장애인등록증을 반납(본실 재발급의 경우는 제외합니다)해야 등기우편 발송이 가능하며, 등기우편 발송 시 반송지는 신청지 지방자치단체입니다.

4. Nếu chọn thư bảo đảm cá nhân khi đăng ký và xử lý cấp lại thẻ đăng ký người khuyết tật, phải nộp phí thư bảo đảm và trả lại thẻ đăng ký người khuyết tật hiện có (trừ trường hợp cấp lại do bị mất) mới có thể gửi thư bảo đảm. Khi gửi thư bảo đảm, địa chỉ gửi thư là chính quyền địa phương nơi đăng ký.

5. 장애인등록증 전국재발급 처리를 위해 재발급을 신청한 지방자치단체에서 본인의 장애인 등록정보 등 장애인등록증 발급에 필요한 정보를 처리하는 것에 동의합니다.

5. Để xử lý việc cấp lại thẻ đăng ký người khuyết tật trên toàn quốc, tôi đồng ý việc chính quyền địa phương nơi tôi nộp đơn xin cấp lại xử lý thông tin cần thiết để cấp thẻ đăng ký người khuyết tật như thông tin đăng ký người khuyết tật, v.v. của tôi.

☐동의함

☐동의하지 않음

☐Đồng ý

☐Không đồng ý

6. 본인은 특별자치시장·특별자치도지사·시장·군수·구청장이 이 건 업무처리와 관련하여 국가 및 지방자치단체나 그 밖에 관계기관이 복지대상자에게 제공하는 각종 감면서비스 등의 신청을 접수(대행)하는 것에 동의합니다.

6. Tôi đồng ý việc Thị trưởng Thành phố tự quản đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc Tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido), Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu) liên quan vấn đề xử lý tiếp nhận (làm thay) đăng ký các dịch vụ giảm miễn được cung cấp bởi chính quyền quốc gia và địa phương hoặc các tổ chức liên quan khác cho người nhận phúc lợi.

☐동의함

☐동의하지 않음

☐Đồng ý

☐Không đồng ý

7. 본인은 장기이식을 받은 경우 담당 공무원이 「장애인복지법 시행규칙」 제6조 및 제7조에 따라 보건복지부를 통하여 장기이식 관련정보(이식장기, 이식일, 이식기관 등 장애 정도 조정에 필요한 정보를 말합니다)를 조회·제공·이용 및 장애 정도 조정절차를 진행하는 것에 동의합니다.

7. Trường hợp được ghép tạng, tôi đồng ý việc cán bộ phụ trách xem, cung cấp và sử dụng thông tin liên quan đến cấy ghép nội tạng (để cập đến thông tin cần thiết để điều chỉnh mức độ khuyết tật như nội tạng cấy ghép, ngày cấy ghép và cơ quan cấy ghép) và tiến hành thủ tục điều chỉnh mức độ khuyết tật thông qua Bộ Y tế và Phúc lợi theo Điều 6 và Điều 7 “Thông tư hướng dẫn Luật Phúc lợi cho người khuyết tật”.

☐동의함

☐동의하지 않음

☐Đồng ý

☐Không đồng ý

신청인

(서명 또는 인)

Người xin nhập tịch

(Kí tên hoặc đóng dấu)

처리절차
Quy trình xử lý

이 신청서는 아래와 같이 처리됩니다.
Đơn đăng ký này được xử lý như sau.



